

UBND TỈNH THANH HOÁ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1836/QĐ-ĐHHĐ
ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

Tên chương trình: Thạc sĩ Văn học Việt Nam

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Văn học Việt Nam

Mã số: 822 01 21

THANH HOÁ, NĂM 2019

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1836 /QĐ-ĐHHĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Văn học Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Vietnamese Literature
- Số quyết định của BGD&ĐT cho phép đào tạo trình độ thạc sĩ: 5280/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2009.
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8220121
- Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung
- Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Văn học Việt Nam
 - + Tiếng Anh: Masters of Vietnamese literature
- Khoa đào tạo: Khoa Khoa học xã hội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam: có kiến thức hệ thống, chuyên sâu và cập nhật về lịch sử văn học Việt Nam; biết vận dụng kiến thức cơ sở và các lý thuyết nghiên cứu văn học vào nghiên cứu - phê bình văn học Việt Nam; có năng lực phát hiện, nghiên cứu độc lập, sáng tạo các vấn đề của lịch sử văn học Việt Nam cũng như các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ của mình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức cơ bản, cập nhật về triết học, lịch sử tư tưởng và văn hóa, ngôn ngữ và phương pháp, tạo cơ sở vững chắc cho việc vận dụng tiếp nhận tốt kiến thức chuyên ngành;

- Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu và cập nhật về lịch sử văn học Việt Nam trên cơ sở những tri thức đã lĩnh hội được ở bậc Đại học.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có tư duy phản biện và khả năng độc lập nghiên cứu, nhạy bén và linh hoạt trong việc tiếp cận, phát hiện, đề xuất và giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam ở nhà trường phổ thông và đại học.

- Có kỹ năng triển khai nghiên cứu một đề tài thuộc lĩnh vực nghiên cứu văn học sử Việt Nam nói riêng và khoa học xã hội nhân văn nói chung.

2.2.3. Về thái độ

Quan tâm, tích cực và sáng tạo trong việc phát hiện và giải quyết các vấn đề về lý thuyết và lịch sử văn học Việt Nam; biết trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn học, văn hóa dân tộc.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. Thi tuyển

Môn thi:

- Môn chủ chốt: Lý luận văn học
- Môn không chủ chốt: Ngôn ngữ và văn học Việt Nam
- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1.2. Xét tuyển: Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

3.3. Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp

- Đại học Sư phạm Ngữ văn
- Đại học Ngữ văn
- Đại học Văn học

3.4. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung

Tên ngành Đại học	Tên học phần bổ sung	Số tín chỉ
Ngành gần nhóm 1: - Đại học Văn - Sử - Đại học Văn - Địa - Đại học Văn - GDGD	Lý luận văn học	3
	Văn học dân gian Việt Nam	3
	Văn học Việt Nam trung đại	4
	Văn học Việt Nam hiện đại	4
Ngành gần nhóm 2: - Đại học Ngôn ngữ - Đại học Hán Nôm	Lý luận văn học	3
	Văn học dân gian Việt Nam	3
	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	3
	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	3
	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	3
Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	3	
Ngành khác: - Đại học Văn hóa - Đại học Báo chí - Đại học Việt Nam học	Lý luận văn học	4
	Văn học dân gian Việt Nam	4
	Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII	4
	Văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX	4
	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945	4
	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay	4

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

1.1.1. Kiến thức ngành: Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn; có tư duy khoa học trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

1.1.2. Kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức chuyên sâu và cập nhật về văn học Việt Nam, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo; có tư duy phản biện; làm chủ kiến thức lý thuyết và chuyên ngành để thực hiện các công việc trong nghiên cứu và giảng dạy văn học Việt Nam; có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ Tiến sĩ.

1.2. Năng lực ngoại ngữ

Có một trong các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;
b) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

d) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL: 500 PBT, 173 CBT, 61 iBT; First Certificate in English FCE; BEC Vantage; 60 BULATS; 625 TOEIC; 5.0 IELTS; chứng chỉ tiếng Anh B2 (Khung Châu Âu) và Bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp (xem thêm Phụ lục I) hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;

đ) Trình độ năng lực ngoại ngữ đạt được ở mức tương đương bậc 4/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 6,0 điểm trở lên thì được cấp chứng nhận ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra.

Có kĩ năng ngoại ngữ ở mức có thể tiếp thu được một bài báo hay một bài phát biểu về một số chủ đề cơ bản trong lĩnh vực chuyên ngành văn học Việt Nam; có thể diễn đạt, viết báo cáo ngắn hoặc trình bày được các ý kiến cơ bản của mình trong phản biện khoa học bằng ngoại ngữ thuộc lĩnh vực chuyên ngành văn học Việt Nam.

1.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

1.3.1. Năng lực tự chủ: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành văn học Việt Nam và đề xuất những sáng kiến có tính khả thi; có khả năng định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp thuộc chuyên ngành văn học Việt Nam; có khả năng xây dựng và thẩm định kế hoạch; có năng lực dẫn dắt chuyên môn, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

1.3.2. Năng lực tự chịu trách nhiệm: Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng nhận định, đánh giá và đề xuất phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

1.4. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ

a) Luận văn là một báo cáo khoa học, vừa có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; vừa giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết

quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

d) Luận văn được trình bày theo Quy định thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 512-QĐ/ĐHHD ngày 17/4/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

2. Kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

Sau khi được đào tạo, học viên có kiến thức hệ thống và chuyên sâu về văn học Việt Nam, được nâng cao năng lực về phương pháp luận nghiên cứu văn học, về khả năng độc lập nghiên cứu, có tư duy logic, tư duy phê phán và sáng tạo tốt, nhạy bén và linh hoạt trong việc tiếp cận, phát hiện, đề xuất và giải quyết những vấn đề đặt ra từ thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy các nội dung văn học Việt Nam ở nhà trường phổ thông và đại học, có kỹ năng triển khai nghiên cứu một đề tài thuộc lĩnh vực khoa học chuyên ngành, khoa học dạy học Ngữ văn.

2.2. Các kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp các vấn đề thời sự trong khoa nghiên cứu văn học sử Việt Nam;

- Kỹ năng thực hành việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề mới liên quan đến khoa học chuyên ngành;

- Kỹ năng trình bày, lập luận có hệ thống và thuyết phục đối với các kết quả nghiên cứu;

- Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh vào việc đọc hiểu, viết, phản biện, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học;

- Kỹ năng lãnh đạo nhóm: tổ chức, điều hành, phát triển và lãnh đạo nhóm nghiên cứu;

- Kỹ năng truyền thông: phổ biến, truyền đạt ý tưởng khoa học và kết quả nghiên cứu mới.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

Yêu nước; trung thành với tổ quốc, nhân dân; khiêm tốn; trung thực; nhân ái.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với nghề, có ý thức học tập suốt đời.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Có ý thức và trách nhiệm công dân tốt, quan tâm và chia sẻ với cộng đồng, hiểu biết và chấp hành nghiêm pháp luật.

4. Những vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Giảng viên giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp có các môn học liên quan đến Ngữ Văn;

- Giáo viên Ngữ Văn THPT, THCS, nhất là trường chuyên, trường năng khiếu;

- Phóng viên các báo, đài phát thanh, truyền hình; chuyên viên trong các cơ quan hành chính nhà nước;

- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn...

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học lên trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam;

- Học các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp;

- Học bằng Thạc sĩ các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Quản lý, khối Khoa học xã hội và nhân văn...

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	60 (tín chỉ)
Khối kiến thức chung	10 tín chỉ
Khối kiến thức cơ sở	14 tín chỉ
+ Bắt buộc	8 tín chỉ
+ Tự chọn	6 tín chỉ
Khối kiến thức chuyên ngành	21 tín chỉ
+ Bắt buộc	11 tín chỉ
+ Tự chọn	10 tín chỉ
Luận văn thạc sĩ	15 tín chỉ

2. Khung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thực hành	Tự học		
A	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG		10					
1	HĐTH1	Triết học	4	36	48	180	1	Nguyên lý
2-3	HĐTA1,2	Ngoại ngữ (tiếng Anh 1, 2)	6	54	72	270	1, 2	Khoa Ngoại ngữ
B	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ		14					
	Các học phần bắt buộc		8					
4	HĐTP4	Thi pháp học	2	18	24	90	1	LLVH, VHNN & PPDHNV
5	HĐNN5	Ngôn ngữ và văn học	2	18	24	90	1	Ngôn ngữ học
6	HĐLH6	Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	2	18	24	90	1	VHVN
7	HĐVH7	Văn học và nhà trường	2	18	24	90	1	LLVH, VHNN & PPDHNV
	Các học phần tự chọn: Chọn 3/6 học phần		6					
8-13	HĐTV8	Tiếng Việt và nhà trường	2	18	24	90	2	LLVH, VHNN & PPDHNV

	HĐNN9	Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt	2	18	24	90	2	Ngôn ngữ học
	HĐNN10	Ngữ nghĩa học và dạy - học Ngữ văn trong nhà trường	2	18	24	90	2	Ngôn ngữ học
	HĐĐM11	Đổi mới văn học Việt Nam từ sau 1975	2	18	24	90	2	VHVN
	HĐHT12	Hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam	2	18	24	90	2	VHVN
	HĐĐH13	Đọc - hiểu văn bản văn học	2	18	24	90	2	LLVH, VHNN & PPDHNV
C	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		21					
	Các học phần bắt buộc		11					
14	HĐTG14	Tam giáo và văn học trung đại Việt Nam	3	27	36	135	2	VHVN
15	HĐTT15	Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại	3	27	36	135	2	VHVN
16	HĐSV16	Sự vận động của văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975	2	18	24	90	3	VHVN
17	HĐTT17	Tiên trình thơ Việt Nam từ 1945 đến nay	3	27	36	135	3	VHVN
	Các học phần tự chọn: Chọn 5/8 học phần		10					
18-27	HĐVH18	Văn học Việt Nam trong mỗi giao lưu khu vực và thế giới	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐTP19	Thi pháp ca dao	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐTT20	Tiên trình thơ Nôm Đường luật	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐTP21	Thi pháp văn học trung đại Việt Nam	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐVH22	Văn học yêu nước nửa sau thế kỷ XIX trong lịch sử văn học dân tộc	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐQT23	Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 45 năm đầu thế kỷ XX	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐHD24	Hiện đại và truyền thống, cách tân và kế thừa của Phong trào thơ mới 1932-1945	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐMS25	Một số vấn đề về lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX	2	18	24	90	3	VHVN
	HĐPC26	Phong cách nghệ thuật của	2	18	24	90	3	VHVN

		một số tác giả tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại						
	HĐTT27	Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại	2	18	24	90	3	VHVN
28	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP		15				3-4	
	Tổng cộng		60					

3. Tiến trình đào tạo trong hai năm học

Học kỳ	Tổng số học phần	Tổng số tín chỉ	Ghi chú
I	6	15	
II	6	15	
III	7	15	
IV		15	Luận văn thạc sĩ

(Xem chi tiết tại khung chương trình và kế hoạch đào tạo)

4. Mô tả tóm tắt học phần

4.1. Triết học/ Philosophy

4.1.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sĩ trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới, phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

4.1.3. Năng lực cần đạt được

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng,

có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

4.1.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 42 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 180 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

4.1.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Tài liệu bắt buộc

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXX và NV không chuyên ngành Triết học), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2016.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHTN, CN), Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2016.

[2]. Bùi Thanh Quát (chủ biên), *Lịch sử Triết học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

4.1.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 180 phút.

4.2. Tiếng Anh 1/ English 1

4.2.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

1. Verbs to express “likes” and “dislikes”.
2. Present Simple
3. Present Continuous
4. Sentence structures: be keen on, be good at, be interested in
5. Comparatives and Superlatives
6. Sentence patterns: so/such + adjective/adverb ; too /enough ... to
7. Extremely adjectives
8. Describing people
9. Past Simple
10. Used to + V
11. Passive and Active
12. Sentence patterns: owing to/ due to
13. Express agreeing and disagreeing
14. Suggesting
15. May, might, could

16. Quantifiers
17. Should / ought to
18. Adverbs and Adverbial Phrases; Forming adverbs
19. Past continuous and past simple
20. Conjunctions
21. Sentence patterns: despite / in spite of

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

1. Hobbies and interests
2. Communication and technologies
3. Family and furniture
4. Daily life
5. Food occasions
6. Going to the doctor
7. Forms of transport

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

* Ngữ âm

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

* Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, học viên có thể: Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong bộ sách *Target PET* (Sue Ireland and Joanna Kosta)

* Từ vựng

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

4.2.3. Năng lực cần đạt được

* Về mặt từ vựng, ngữ pháp

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

* Về kỹ năng Nghe

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B1 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu...)

* Về kỹ năng Nói & Phát âm

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

* Về kỹ năng Đọc

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.
Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu...)

*** Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

- Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
- Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.2.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.2.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

*** Giáo trình chính**

- [1]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (Ký hiệu HLBB1)
- [2]. Nguyễn Thị Quyết. (2016). *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A* (cuốn1). Nxb Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)
- [3]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson. (2013). *English File - Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

*** Tài liệu tham khảo**

- [1]. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, Nxb Thời đại / Từ điển Bách khoa
- [2]. *Cambridge PET*. (2004). Cambridge University Press

4.2.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.3. Tiếng Anh 2/ English 2

4.3.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh 2 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 07 đến Unit 12 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như:

1. Comparatives and Superlatives.
2. Present perfect and past simple
3. Obligation, prohibition and permission
4. Relative pronouns
5. Forming words for jobs
6. Predicting the future
7. First conditional and unless
8. Going to
9. Second conditional questions.
10. Modal passives

11. Adjective order
12. Phrasal verbs to talk about clothes
13. Like and Just like
14. Have/get something done
15. Talking about money
16. Past perfect
17. Reported speech and reported questions

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

1. Sports
2. Feelings and opinions
3. School and study
4. Computers and technology
5. Weather
6. Holidays
7. Music and festivals
8. Places to stay
9. Clothes
10. Money
11. Cinema

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B2. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

Các nội dung của học phần được phân bố đều trong 12 tuần.

4.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

* Ngữ âm

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

* Ngữ pháp

Kết thúc chương trình, học viên có thể: Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong bộ sách *Target PET* (Sue Ireland and Joanna Kosta).

* Từ vựng

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 11 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B2.

4.3.3. Năng lực cần đạt được

* Về mặt từ vựng, ngữ pháp

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

* Về kỹ năng Nghe

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu...)

* Về kỹ năng Nói & Phát âm

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân

* Về kỹ năng Đọc

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu...)

* Về kỹ năng Viết

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

- Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.

- Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

4.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

4.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing. (Ký hiệu HLBB1).

[2]. Nguyễn Thị Quyết. (2016). *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A* (cuốn1). Nxb Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2).

[3]. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson. (2013). *English File - Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB3)

* Tài liệu tham khảo

[1]. Raymond Murphy, *Essential Grammar In Use*, Nxb Thời đại / Từ điển Bách khoa

[2]. *Cambridge PET*. (2004). Cambridge University Press

4.3.6. Hình thức thi hết học phần

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

Thời gian làm bài thi: 120 phút.

4.4. Thi pháp học/ Poetics

4.4.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần nghiên cứu sâu về một hướng tiếp cận quan trọng đối với tác phẩm văn học - hướng tiếp cận bản thể luận văn học, bao gồm toàn bộ quan niệm nghệ thuật, cách nhìn, cách cảm, cách mô tả thế giới của người nghệ sĩ được biểu hiện thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật; gợi mở cho người học "cách đọc", cách nghiên cứu, cách giảng dạy văn học một cách khoa học và hiệu quả. Đây là học phần nâng cao của các học phần lí luận văn học ở bậc đại học.

4.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về thi pháp học như khái niệm thi pháp, các trường phái nghiên cứu thi pháp, đối tượng, phạm trù và phương pháp nghiên cứu thi pháp học, quan niệm nghệ thuật về con người, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật, tác giả và kiểu tác giả, tính nội dung và cấu trúc thể loại. Học phần cũng

trang bị cho học viên kỹ năng thuyết trình về các vấn đề khoa học liên quan đến nghiên cứu và giảng dạy các thể loại văn học bằng tư duy của thi pháp học.

4.4.3. Năng lực cần đạt được

* Kiến thức

Học viên nắm vững được những kiến thức cơ bản của thi pháp học như khái niệm thi pháp; các trường phái nghiên cứu thi pháp, lịch sử nghiên cứu thi pháp, ý nghĩa của bộ môn thi pháp học; đối tượng, phạm trù và phương pháp nghiên cứu thi pháp học; quan niệm nghệ thuật về con người, những biểu hiện nghệ thuật về con người, sự vận động quan niệm nghệ thuật về con người trong lịch sử; thời gian nghệ thuật, quan niệm về thời gian, các hình thức của thời gian trong văn học; không gian nghệ thuật; tác giả và kiểu tác giả; tính nội dung và cấu trúc thể loại.

* Kỹ năng, năng lực

- Học viên có được khả năng mô tả, trình bày những kiến thức cơ bản của học phần thi pháp học, biết vận dụng những kiến thức đã được trang bị để thưởng thức, giảng dạy, nghiên cứu các vấn đề của văn học ở trường và trong đời sống.

- Học viên có được kỹ năng đọc nghiên cứu tài liệu, viết mô tả về tài liệu và trình bày kết quả đọc nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, nghiên cứu.

* Thái độ

Học viên hiểu và biết trân trọng những kiến thức lý luận văn học của thế giới trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu văn học. Thi pháp học là những kiến thức lý luận văn học của phương Tây vốn xa lạ với tư duy của người phương Đông, đặc biệt là những nước chịu ảnh hưởng của văn học Hán như Việt Nam. Đây là một môn học có tính hàn lâm, đòi hỏi người học phải có những cố gắng nhất định mới có thể tiếp thu được khối lượng kiến thức của môn học.

4.4.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.4.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình

[1]. Trần Đình Sử, *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Aristoteles, *Nghệ thuật thi ca*, Tạp chí *Văn học nước ngoài*, (1), 1997.

[2]. Nguyễn Thị Bích Hải, *Thi pháp thơ Đường*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995.

[3]. Lưu Hiệp, *Văn tâm điều long* (Phan Ngọc dịch, giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 1997.

[4]. Nguyễn Thái Hòa, *Những vấn đề thi pháp của truyện*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.

[5]. Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.

[6]. Trần Đình Sử, *Thi pháp thơ Tố Hữu*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987.

[7]. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

[8]. Trần Đình Sử, *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.

4.4.6. Hình thức thi hết học phần

- Hình thức thi: Tự luận

- Thời gian thi: 120 phút

- Lịch thi: Theo lịch của nhà trường

4.5. Ngôn ngữ và văn học/ Linguistics and Literature

4.5.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học: ngôn ngữ là chất liệu của sáng tác văn chương, giao tiếp đời thường và giao tiếp trong văn học, tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ.

Học phân đi sâu nghiên cứu những cơ sở ngôn ngữ học giúp cho việc giảng dạy, nghiên cứu văn học đạt hiệu quả và ngược lại làm rõ vai trò to lớn của ngôn ngữ như là một nhân tố góp phần thúc đẩy khoa học ngôn ngữ phát triển.

4.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Ngôn ngữ là chất liệu của văn chương
- Giao tiếp đời thường và giao tiếp trong văn chương
- Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương

4.5.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học, từ đó thấy được mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn học; thấy được sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ văn chương.

- Có khả năng nhận diện, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ qua tác phẩm văn học.
- Có khả năng tiếp nhận, phân tích tác phẩm văn học từ phương diện ngôn ngữ.
- Vận dụng kiến thức trong việc giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường, viết báo, sáng tác văn học nghệ thuật ...

4.5.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.5.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Phan Ngọc (2000), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Trẻ.
- [2]. Nguyễn Lai (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Bùi Minh Toán (2012), *Ngôn ngữ với văn chương*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Đỗ Hữu Châu (1990), “Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học”; *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2.
- [2]. Bùi Minh Toán (1989), “Những mối quan hệ hệ thống của ngôn ngữ và việc phân tích ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm văn học trong giảng dạy Tiếng Việt và Văn học”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3.
- [3]. Nguyễn Thanh Tuấn (2012), “Tiếp nhận đồng cảm”, *Báo Văn nghệ trẻ*, số 31.

4.5.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận

4.6. Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam/ Style of Vietnamese medieval literary authors

4.6.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần giới thiệu lý thuyết loại hình học; phát triển và đi sâu vào một phương diện cơ bản của loại hình học trong nghiên cứu văn học là loại hình tác giả; triển khai nghiên cứu ứng dụng vào lịch sử văn học Việt Nam: mô tả, hệ thống hóa, phân loại đối với các loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt là loại hình tác giả văn học nhà nho,

một loại hình tác giả có số lượng đông đảo nhất, để lại nhiều nhất về số lượng tác phẩm cũng như những tác phẩm có giá trị bậc nhất trong văn học truyền thống.

4.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Khái niệm về loại hình, loại hình học, loại hình tác giả văn học và loại hình tác giả văn học Việt Nam

- Cơ sở hình thành - phát triển và những đặc điểm cơ bản của loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam

- Phân loại kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam

- Kiểu giả văn học Thiền sư: Khái niệm; cơ sở xuất hiện và quá trình phát triển; đặc điểm, tính chất; các tác gia, tác phẩm tiêu biểu; vị trí của kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc.

- Kiểu giả văn học nhà nho: Khái niệm; cơ sở xuất hiện và quá trình phát triển; đặc điểm, tính chất; các tác gia, tác phẩm tiêu biểu; vị trí của kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc.

- So sánh các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam và kiểu tác giả văn học trung đại với kiểu tác giả văn học dân gian và văn học hiện đại trong nền văn học dân tộc.

4.6.3. Năng lực cần đạt được

Người học có đủ năng lực nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam dưới góc độ loại hình tác giả trong chương trình văn học sử ở bậc Đại học và chương trình Ngữ Văn ở nhà trường THPT.

4.6.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.6.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Phương Lưu (chủ biên) (2004), *Lý luận văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình học tác giả văn học - Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Phương Lưu (1985), *Quan niệm về văn chương cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Trần Nho Thìn (2003), *Văn học Việt Nam từ góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4.6.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.7. Văn học và nhà trường/ Literature and schools

4.7.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề thời sự, khái quát, có hệ thống về bản chất, ý nghĩa của văn chương; vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân học sinh; thực tế dạy học văn ở nhà trường phổ thông; mối quan hệ giữa văn học trong nhà trường với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước; định hướng những vấn đề cần tập trung giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, tâm hồn, cá tính HS, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và thời đại.

4.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Các vấn đề thời sự, khái quát về bản chất, ý nghĩa, tác dụng của văn học trong nhà trường và những vấn đề cần tập trung giáo dục HS thông qua văn học nhà trường.

4.7.3. Năng lực cần đạt được

a) Năng lực tự chủ

- Có năng lực phát triển lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học và nhà trường, văn học và giáo dục;

- Có năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu về khả năng giáo dục HS thông qua văn học.

b) Năng lực tự chịu trách nhiệm

- Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học và nhà trường, văn học và giáo dục;

- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề thuộc chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt cũng như trong thực tiễn dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

4.7.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.7.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Phan Trọng Luận, *Văn học nhà trường - nhận diện, tiếp cận, đổi mới*, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2008.

[2]. Phan Trọng Luận, *Văn học nhà trường - những điểm nhìn*, Nxb ĐHSP Hà Nội, 2011.

[3]. Tzvetan Todorov (2011), *Văn chương lâm nguy* (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học, 2011.

[4]. Umberto Eco (2000), “Về một vài chức năng của văn học”, Tạp chí *Văn học*, số 5, 2003.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Colin Rose, M. J. Nicholl (2008), *Kĩ năng học tập siêu tốc thế kỉ XXI*, Nxb Tri thức.

[2]. John Dewey (2008), *Dân chủ và Giáo dục*, Nxb Tri thức.

[3]. Michael J. Gelb (2014), *Tư duy như Leonardo da Vinci*, Nxb Lao động - Xã hội.

[4]. Howard Gardner (2012), *Cơ cấu trí khôn*, Nxb Tri thức.

[5]. Hoàng Thị Mai (2013), “Phát triển các kĩ năng tư duy phê phán cho sinh viên qua hoạt động nghiên cứu, phê bình và tiếp nhận văn học”, Tạp chí *Khoa học Giáo dục* số 92, tháng 5-2013, tr. 20-23.

[6]. Hoàng Thị Mai (2013), “Tư duy phê phán và tư duy sáng tạo trong cảm thụ văn chương ở nhà trường phổ thông”, Tạp chí *Giáo dục*, số 311, Kì 1 tháng 6, 2013.

[7]. Scott Thorpe (2012), *Tư duy như Einstein*, Nxb Lao động - Xã hội.

4.7.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút.

4.8. Tiếng Việt và nhà trường/ Vietnamese and Schools

4.8.1. Tóm tắt nội dung học phần

Chuyên đề Tiếng Việt và nhà trường nghiên cứu những vấn đề cơ bản về tiếng Việt: đặc điểm, chức năng, sự phát triển của tiếng Việt, mối quan hệ giữa tiếng Việt với các môn học khác. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp cho người học về nội dung chương trình tiếng Việt ở sách giáo khoa Ngữ văn hiện nay, mối quan hệ, liên hệ giữa những đơn vị kiến thức tiếng Việt và định hướng cách tiếp cận giảng dạy nhưng nội dung tri thức này ở trường phổ thông.

4.8.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Những vấn đề chung về tiếng Việt, mục tiêu của việc dạy học tiếng Việt; Nội dung phần Tiếng Việt ở THCS, THPT; Sự phối tích hợp đồng bộ trong dạy học tiếng Việt với các phân môn khác.

4.8.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Năm vững được những vấn đề cơ bản về tiếng Việt; các hợp phần tiếng Việt được giới thiệu và giảng dạy trong chương trình; sách giáo khoa phổ thông; cách xây dựng chương trình tiếng Việt; cách thức tiếp cận các đơn vị kiến thức về tiếng Việt ở nhà trường phổ thông; mối quan hệ giữa tiếng Việt với các phân môn khác; nhận biết được đối tượng, mục đích và nhiệm vụ của việc nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt trong nhà trường.

- Về kỹ năng: Có tư duy phản biện và khả năng độc lập nghiên cứu về tiếng Việt, phương pháp dạy học tiếng Việt; có các kỹ năng về cách tiếp cận chương trình tiếng Việt; kỹ năng vận dụng các tri thức tiếng Việt trong hoạt động dạy học và giao tiếp.

- Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: Có nhận thức đúng đắn và tích cực, sáng tạo trong việc phát hiện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến nội dung chương trình tiếng Việt ở phổ thông

4.8.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức: Dạy học trên lớp; kết hợp giữa cung cấp lí thuyết và thực hành, thảo luận.

- Phương pháp dạy học: thuyết trình, giao tiếp, thảo luận...

4.8.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Lê A, Thành Thị Yên Mỹ, Lê Phương Nga, Nguyễn Trí, Cao Đức Tiến (1994), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Bùi Minh Toán (2002), *Tiếng Việt ở trường THPT*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Đỗ Hữu Châu (2002), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 1,2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Quang Ninh (2006), *Sử dụng phương pháp Grap trong dạy học tiếng Việt*, (Kỷ yếu Đổi mới PPDH Văn và Tiếng Việt ở trường THPT), ĐHSP Hà Nội, tập 1.

[4]. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (1992), *Tâm lí học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Phạm Minh Hạc (1983), *Hành vi và hoạt động*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.

[6]. Cao Xuân Hạo (2000), *Tiếng Việt: Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

[7]. Cao Đức Tiên, Nguyễn Quang Ninh... (1993), *Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[8]. Các bộ chương trình, sách giáo khoa *Tiếng Việt* Tiểu học, *Ngữ văn* THCS và THPT.

4.8.6. *Hình thức thi hết học phần*: Bài tự luận, 120 phút.

4.9. **Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt/ Language in the communication culture of the Vietnamese**

4.9.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

4.9.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp;
- Giao tiếp bằng ngôn ngữ;
- Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt;
- Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

4.9.3. *Năng lực cần đạt được*

- Học viên có năng lực phân tích, miêu tả những vấn đề của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt ở mức độ cơ bản và nâng cao.

- Học viên có năng lực vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói chung để tìm hiểu các hiện tượng Ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp của người Việt trong tiếng Việt.

- Vận dụng kiến thức Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt trong công việc và đời sống.

4.9.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.9.5. *Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*

* Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Đức Tồn (2010), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Từ điển bách khoa.

[2]. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Trần Ngọc Thêm (2014), *Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng*, Nxb Văn hóa - Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Ngọc Thêm (2006), *Văn hóa học và văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, Tái bản.

[3]. Rober Lado (2003), *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa*, Hoàng Văn Vân dịch Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

4.9.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận

4.10. **Ngữ nghĩa học và dạy học Ngữ văn trong nhà trường/ Semantics and Philological learning - teaching in schools**

4.10.1. *Tóm tắt nội dung học phần*

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngữ nghĩa học và dạy học Ngữ văn trong nhà trường gồm: Sự ra đời của ngữ nghĩa học; Những vấn đề ngữ nghĩa học hệ thống (Nghĩa trong cấu trúc tín hiệu ngôn ngữ; Nghĩa của từ trong hệ thống và các phương pháp phân tích nghĩa của từ; Quan hệ giữa kiểu ý nghĩa và kiểu cấu tạo từ tiếng Việt; Nghĩa của từ trong hệ thống và các vấn đề văn hóa – tư duy – ngôn ngữ cộng đồng; Cấu trúc ý nghĩa biểu niệm và hoạt động ngữ pháp của từ và Những vấn đề ngữ nghĩa hoạt động: Các phương diện nội dung của tín hiệu ngôn ngữ; Sự hiện thực hóa các thành phần nghĩa của từ trong tác phẩm văn chương; Xác định và phân tích nghĩa của từ trong hoạt động.

4.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Sự ra đời của ngữ nghĩa học
- Những vấn đề ngữ nghĩa học hệ thống
- Những vấn đề ngữ nghĩa hoạt động

4.10.3. Năng lực cần đạt được

- Học viên có năng lực phân tích, miêu tả những vấn đề của Ngữ nghĩa học ở mức độ cơ bản và nâng cao.

- Học viên có năng lực vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói chung để tìm hiểu các hiện tượng Ngữ nghĩa học trong tiếng Việt nói chung và trong các tác phẩm văn chương ở nhà trường.

- Vận dụng kiến thức Ngữ nghĩa học trong công việc và đời sống.

4.10.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.10.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Đỗ Việt Hùng (2013), *Ngữ nghĩa học từ bình diện hệ thống đến hoạt động*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

[2]. Lê Quang Thiêm (2008), *Ngữ nghĩa học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Thiện Giáp (2014), *Nghĩa học Việt ngữ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Mai Thị Hào Yến (2015), “Nghĩa của các từ “ông, bà” trong thực tiễn giao tiếp”, Tạp chí *Từ điển học & Bách khoa thư*, Số 5.

[2]. Đỗ Việt Hùng (2011), *Giáo trình từ vựng học*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3]. Ferdinand de Saussure, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

4.10.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận

4.11. **Đổi mới văn học Việt Nam từ sau 1975/ Innovation the Vietnamese literature since 1975**

4.11.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và nâng cao về sự đổi mới của văn học Việt Nam sau 1975: Đổi mới trong quan niệm và cách tiếp cận hiện thực; đổi mới trong các khuynh hướng sáng tác; đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người, nghệ thuật trần thuật, ngôn ngữ và trong cấu trúc thể loại văn học.

4.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Sau khi kết thúc môn học, học viên tiếp nhận được những kiến thức cơ bản sau: Tiền đề dẫn đến đổi mới văn học Việt Nam sau 1975; Khái quát quá trình vận động đổi mới và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam sau 1975; Một số vấn đề về thể loại và nhận diện một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của thể loại.

4.11.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực chuyên môn: Học viên nắm bắt tốt những nội dung trọng tâm của môn học.

- Về kỹ năng, phương pháp: Học viên có kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá một vấn đề văn học, một hiện tượng văn học.

- Về thái độ: Học viên có nhận thức khách quan, khoa học về những vấn đề đổi mới của văn học Việt Nam sau 1975; Vai trò, vị trí của văn học Việt Nam sau 1975 trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam.

4.11.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Lý thuyết, bài tập: 18 tiết
- Kiểm tra thường xuyên: 02 tiết
- Thực hành: 24 tiết
- Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận)
- Thảo luận: 12 tiết
- Tự học: 90 tiết

4.11.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính: Bài giảng của giáo viên

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt Nam hiện đại - khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018.
- [2]. Lê Huy Bắc, *Văn học hậu hiện đại - lý thuyết và tiếp nhận*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2012.
- [3]. Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỉ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [4]. Nguyễn Văn Long, Lê Nhân Thìn (chủ biên), *Văn học Việt Nam sau 1975 - Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [5]. Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [6]. Nhiều tác giả, *Chặng đường mới của văn học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- [7]. Nhiều tác giả, *Thế hệ nhà văn sau 1975 - diện mạo và thành tựu*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2016.
- [8]. Lê Lưu Oanh, *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 - 1990*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000.
- [9]. Bùi Việt Thắng, *Bàn về tiểu thuyết*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

4.11.6. Hình thức thi hết học phần

- Trọng số 50%.
- Hình thức kiểm tra: thi viết
- Thời gian: 120 phút

4.12. Hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam/ Genre system of Vietnamese medieval literature

4.12.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về thể loại văn học trung đại Việt Nam với những đặc trưng cơ bản theo từng loại hình; sự vận động và phát triển của văn học trung đại gắn liền với sự vận động và phát triển của thể loại văn học; phân biệt sự khác nhau của hệ thống thể loại văn học trung đại với hệ thống thể loại văn học dân gian và văn học hiện đại.

4.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Quan niệm về thể loại văn học; vị trí của thể loại trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử văn học (văn học sử)

- Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống thể loại văn học Việt Nam

- Hệ thống thể loại văn học ngoại nhập

- Hệ thống thể loại văn học nội sinh

- Các tác gia, tác phẩm tiêu biểu cho hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam qua các giai đoạn.

- So sánh hệ thống thể loại văn học trung đại với hệ thống thể loại văn học dân gian, văn học hiện trong nền văn học dân tộc.

4.12.3. Năng lực cần đạt được

Người học có đủ năng lực nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam dưới góc độ thể loại văn học trong chương trình văn học sử ở bậc Đại học và chương trình Ngữ Văn ở nhà trường THPT.

4.12.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.12.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức, *Thơ ca Việt Nam - hình thức và thể loại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974.

[2]. Bùi Duy Tân, *Khảo và luận một số thể loại tác gia - tác phẩm văn học trung đại Việt Nam*, 2 tập, Nxb ĐHQG Hà Nội, 1999-2001.

[3]. Nguyễn Đăng Na, *Văn xuôi trung đại Việt Nam*, 3 tập, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

[2]. Trần Ngọc Vương, *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.

[3]. Trần Quang Dũng, *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội, 2009.

4.12.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.13. Đọc - hiểu văn bản văn học/ Reading literary Texts

4.13.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nghiên cứu những vấn đề thời sự, chuyên sâu về lý thuyết về đọc hiểu bao gồm các khái niệm, các khuynh hướng, trường phái lý thuyết về vấn đề đọc hiểu văn bản; các chiến thuật, kỹ thuật đọc hiểu văn bản; các nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, cách thức tổ chức cho học sinh đọc hiểu văn bản văn học theo đặc trưng thể loại và theo hướng phát huy chủ thể cảm thụ - sáng tạo của người đọc - học sinh.

4.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Các vấn đề thời sự, chuyên sâu về lí thuyết về đọc hiểu
- Các nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, cách thức tổ chức cho học sinh đọc hiểu văn bản văn học theo đặc trưng thể loại và theo hướng phát huy năng lực người học.

4.13.3. Năng lực cần đạt được

a) Năng lực tự chủ

- Có năng lực phát triển lí thuyết về đọc hiểu; lựa chọn, đề xuất và sử dụng hiệu quả các chiến thuật, kĩ thuật đọc hiểu văn bản; các nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, cách thức tổ chức cho học sinh đọc hiểu văn bản văn học.

- Có năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng lí thuyết đọc hiểu trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

b) Năng lực tự chịu trách nhiệm

- Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến lí thuyết về đọc hiểu và vận dụng lí thuyết đọc hiểu một cách hiệu quả trong dạy học Ngữ văn;

- Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề thuộc chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt cũng như trong thực tiễn dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.

4.13.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học lí thuyết trên lớp; thực hành thảo luận trên lớp và thực hành tại trường phổ thông.

- Phương pháp dạy học: Sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học tích cực và các phương tiện dạy học hiện đại.

4.13.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Thanh Hùng, *Kĩ năng đọc hiểu văn*, Nxb Đại học sư phạm, H., 2011.

[2]. Phạm Thị Thu Hương, *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, H., 2012.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thanh Hùng, *Đọc và tiếp nhận văn chương*, Giáo dục, Hà Nội, 2002.

[2]. Phan Trọng Luận, *Văn chương, bạn đọc - sáng tạo*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2003.

[3]. Judith A. Langer, *Leterary understanding and literature instruction - Center for the Learning and Teaching of literature*. The University at Albani, State University of New York. 1989.

[4]. Umberto Eco, *The Role of the Reader*, Indiana University Press, Boomington.

4.13.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận.

4.14. Tam giáo và văn học trung đại Việt Nam/ Three religions and Vietnamese medieval literature

4.14.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các hệ tư tưởng Nho – Phật – Lão, và sự ảnh hưởng của nó trong đời sống tinh thần con người nói chung và trong sáng tác văn chương thời trung đại nói riêng, làm nên tính chất đặc thù của văn học. Từ đó có những định hướng đúng trong quá trình tiếp cận và nghiên cứu văn học trung đại theo những tính chất đặc thù.

4.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Khái lược về các hệ tư tưởng Nho – Phật – Lão (Nguồn gốc, quan niệm về vũ trụ, về nhân sinh...)

- Quá trình du nhập của các hệ thống tôn giáo vào Việt Nam
- Sự ảnh hưởng của tư tưởng “tam giáo” trong văn học trung đại Việt Nam.
- Tiếp cận văn học trung đại Việt Nam dưới góc độ tôn giáo (Nho – Phật – Lão)
- Kiểu tác giả văn học nhà nho
- Kiểu tác giả văn học Thiền sư

4.14.3. Năng lực cần đạt được

Người học có đủ năng lực nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam ở bậc Đại học và chương trình Ngữ văn THPT dưới góc nhìn tôn giáo; thấy được sự ảnh hưởng của các hệ tư tưởng Nho – Phật – Lão trong quan niệm về văn học, quan niệm về vũ trụ, nhân sinh ở nhà văn cũng như trong tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại.

4.14.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.14.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. A. Gurêvich, *Những phạm trù văn hóa trung cổ*, Nxb Nghệ thuật Matxcova, 1972. Bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến, Tài liệu thư viện Trường ĐHSPT Hà Nội.
- [2]. Trần Đình Hượu, *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1995.
- [3]. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Ngọc Vương, *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- [2]. Nhiều tác giả, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.
- [3]. Nhiều tác giả, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Tập 3, Nxb Văn học, Hà Nội, 1963.
- [4]. Trần Quang Dũng, *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb ĐHSPT, Hà Nội, 2009.

4.14.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 150 phút.

4.15. Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại/ Vietnamese modern novels

4.15.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về thể loại tiểu thuyết trong nền văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại: cơ sở hình thành, các chặng vận động, những đặc trưng cơ bản, những thành tựu nổi bật, vị trí của thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu.

4.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Khái niệm, nguồn gốc, đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết hiện đại
- Sự hình thành tiểu thuyết và quan niệm về tiểu thuyết hiện đại trong nền văn học Việt Nam

- Các giai đoạn vận động và phát triển của tiểu thuyết Việt Nam hiện đại
- Thành tựu nổi bật của tiểu thuyết Việt Nam trong các giai đoạn: đầu thế kỷ XX đến 1945, từ 1975 đến nay

- Một số tiểu thuyết tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại: *Tổ Tâm* (Hoàng Ngọc Phách), *Số đỏ* (Vũ Trọng Phụng), *Sống mòn* (Nam Cao), *Nửa chừng xuân* (Khái Hưng), *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo-Ninh)...

4.15.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực nhận thức: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản của tiểu thuyết hiện đại (cả lý thuyết và thực tiễn)

- Năng lực vận dụng kiến thức lý luận về thể loại và kiến thức về tiểu thuyết Việt Nam hiện đại để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết.

4.15.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.15.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Lê Tú Anh, *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.
- [2]. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt Nam hiện đại - khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2018.
- [3]. Phan Cự Đệ, *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* (Tái bản lần thứ tư), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Kim Anh (chủ biên), *Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, 2004.
- [2]. Vũ Tuấn Anh - Bích Thu (chủ biên), *Từ điển tác phẩm văn xuôi Việt Nam*, tập 1-2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [3]. M. Bakhtin, *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, Phạm Vĩnh Cư dịch, Trường viết văn Nguyễn Du - Bộ Văn hóa thông tin và thể thao xuất bản, Hà Nội, 1992.
- [4]. Mai Hương (chủ biên), *Từ điển tác phẩm văn xuôi Việt Nam*, tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2010.
- [5]. Vương Trí Nhàn (sưu tầm và biên soạn), *Những lời bàn về tiểu thuyết trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1945*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000.
- [6]. Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, 2 tập, tái bản nhiều lần.
- [7]. Bùi Việt Thắng, *Thi pháp tiểu thuyết hiện đại*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2019.

4.15.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 150 phút

4.16. Sự vận động của văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975/ The movement of Vietnamese proses from 1945 to 1975

4.16.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và cập nhật về sự vận động của văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975 qua các chặng và sự vận động diễn ra ở các phương diện sau: mô típ đề tài, chủ đề, thể loại, nghệ thuật xây dựng nhân vật và một số vấn đề về thi pháp.

4.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Kết thúc môn học, học viên tiếp nhận được những kiến thức cơ bản sau: Diện mạo của văn xuôi Việt Nam qua ba chặng: 1945 - 1954, 1955 - 1964, 1965 - 1975; Đặc điểm và quy luật vận động, các khuynh hướng của văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975; Quan niệm nghệ thuật về con người và một số vấn đề về thi pháp văn xuôi giai đoạn 1945 đến 1975.

4.16.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực chuyên môn: Học viên có kiến thức cơ bản về sự vận động của văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975.

- Về kĩ năng và phương pháp: vận dụng phân tích, nghiên cứu một vấn đề văn học, thể loại văn học.

- Về thái độ: nhận thức đúng đắn, khoa học về vị trí, vai trò của thể loại văn xuôi giai đoạn 1945 - 1975 trong tiến trình vận động, phát triển của văn xuôi nói riêng, nền văn học dân tộc nói chung.

4.16.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

- Lý thuyết, bài tập: 18 tiết

- Kiểm tra thường xuyên: 02 tiết

- Thực hành: 24 tiết

- Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận):

- Thảo luận: 12 tiết

- Tự học: 90 tiết

4.16.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên) - Nguyễn Văn Long (đồng chủ biên), *Lịch sử Văn học Việt Nam*, tập 3, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.

* Học liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), *Lịch sử Văn học Việt Nam*, tập 2, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 1987.

[2]. Mã Giang Lân, *Văn học Việt Nam 1945 – 1954*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.

[3]. Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.

[4]. Nguyễn Văn Long, *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

[5]. Hòa Diệu Thúy, *Truyện ngắn hiện đại Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb Hội Nhà văn, 2007.

[6]. Bùi Việt Thắng, *Bàn về tiểu thuyết*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

[7]. Nhiều tác giả, *Một thời đại văn học mới*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1987.

[8]. Nhiều tác giả, *Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học*, (3 tập), Nxb Tác phẩm mới, 1987-1989.

[9]. Nhiều tác giả, *50 năm Văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 1996.

4.16.6. Hình thức thi hết học phần

- Trọng số 50%.

- Hình thức kiểm tra: thi viết

- Thời gian: 120 phút

4.17. Tiến trình thơ Việt Nam từ 1945 đến nay/ The process of Vietnamese poetry from 1945 to today

4.17.1. Tóm tắt nội dung môn học

Chuyên đề khái quát những đặc điểm cơ bản của thơ; Những vấn đề về sự vận động của thể loại; Đặc trưng thẩm mỹ, thi pháp; Những tìm tòi và giới hạn (qua những trường hợp cụ thể) của thơ từ 1945 đến nay trong tiến trình thơ hiện đại Việt Nam.

4.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Tìm hiểu sâu những vấn đề cơ bản trong tiến trình vận động của thơ Việt Nam từ 1945 đến nay, đặt trong cái nhìn hệ thống về tiến trình thơ hiện đại: Những đặc điểm cơ bản của từng chặng đường thơ; Đặc trưng thẩm mỹ; Những vấn đề về sự vận động của thể loại ở từng chặng; Những tìm tòi và giới hạn của thơ.

4.17.3. *Năng lực cần đạt được*: Học viên có đủ năng lực để nhận thức rõ tiến trình thơ Việt Nam từ 1945 đến nay trong tiến trình thơ hiện đại; vận dụng tốt những kiến thức chung về lí thuyết thơ; từ đó có khả năng nghiên cứu và giảng dạy những tác phẩm, tác giả tiêu biểu; có khả năng tiếp nhận và giải mã những vấn đề “nóng” của thơ đương đại.

4.17.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*: Giảng lý thuyết trên lớp; gợi mở những vấn đề rộng hơn phạm vi bài giảng yêu cầu học viên tự nghiên cứu, viết bài luận thu hoạch về kết quả nghiên cứu; tổ chức thảo luận những nội dung khó.

4.17.5. *Giáo trình và tài liệu tham khảo*

* Giáo trình chính

- [1]. Hà Minh Đức (1974), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Hồ Thế Hà (1997), *Thơ và thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Đại học khoa học Huế.
- [3]. Mã Giang Lân (2000), *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4]. Mã Giang Lân (2004), *Thơ - hành trình và tiếp nhận*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Lê Lưu Oanh (2002), *Thơ trữ tình Việt Nam 1975-2000*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Vũ Tuấn Anh (1997), *Nhira thế kỉ thơ Việt Nam 1945-1995*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Đăng Điệp (2014), *Thơ Việt Nam hiện đại tiến trình và hiện tượng*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3]. Đỗ Đức Hiểu (2002), *Thi pháp thơ hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4]. Vũ Văn Sỹ (1999), *Mạch thơ trong nguồn thế kỉ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Bá Thành, *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [6]. Lưu Khánh Thơ (2005), *Thơ và một số gương mặt thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4.17.6. *Hình thức thi hết học phần*: Thi viết, 150 phút

4.18. Văn học Việt Nam trong mối giao lưu khu vực và thế giới/ Vietnamese literature in regional and world exchanges

4.18.1. *Tóm tắt nội dung môn học*

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về mối giao lưu giữa Việt Nam với khu vực và thế giới trên lĩnh vực văn học, cụ thể là: giao lưu giữa Việt Nam với các nước trong khu vực Đông Á thời trung đại vào đầu thế kỷ XX, giao lưu giữa Việt Nam với nhiều nước trên thế giới trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa thế kỷ XX, XXI.

4.18.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Tiền đề của những mối giao lưu văn học giữa Việt Nam với khu vực và thế giới;
- Những cuộc giao lưu lớn về văn học giữa Việt Nam với khu vực và thế giới: với Trung Quốc thời trung đại, với các nước khu vực Đông Á khác (Nhật Bản, Hàn Quốc) thời cận hiện đại, với Pháp đầu thế kỷ XX, với các nước phương Tây khác trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI...

- Giá trị của các cuộc giao lưu văn học giữa Việt Nam với khu vực và thế giới.

4.18.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực nhận thức: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản về mối giao lưu văn học giữa Việt Nam với khu vực và thế giới

- Năng lực vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về mối giao lưu văn học giữa Việt Nam với khu vực và thế giới để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc/liên quan đến sự giao thoa/tiếp thu ảnh hưởng giữa văn học Việt Nam với khu vực và thế giới.

4.18.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.18.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:

* Giáo trình chính: Bài giảng của giảng viên

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Claudine Salmon biên soạn, *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc ở Châu Á (từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX)*, Trần Hải Yên dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
- [2]. Đoàn Lê Giang, “Con đường hiện đại hóa văn học của các nước khu vực văn hóa chữ Hán”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, Số 7, 2010, tr.5-12.
- [3]. Đoàn Lê Giang, Nhật Chiêu, Trần Thị Phương Phương (tuyển chọn), *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á*, Nxb Văn hóa – Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 2013.
- [4]. N.I. Niculin, *Văn học Việt Nam và giao lưu quốc tế*, Nguyễn Hữu Sơn tuyển chọn và giới thiệu, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [5]. Nhiều tác giả, *Những vấn đề giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Nxb ĐHQGTP Hồ Chí Minh, 2019.
- [6]. Đức Ninh - Lê Tú Anh - Nguyễn Sỹ Tuấn - Lê Thị Hòa - Trần Thúc Việt, *Quá trình hình thành thể loại tiểu thuyết hiện đại trong văn học Việt Nam và một số nước Đông Nam Á*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2016.
- [7]. *Quá trình hiện đại hóa văn học Nhật Bản và các nước khu vực văn hóa chữ Hán: Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc (từ cuối TK XIX đến đầu thế kỷ XX)*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế, Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQG – HCM, 2010.
- [8]. Trần Lê Hoa Tranh, *Văn học di dân - Phác thảo diện mạo nữ nhà văn Việt Nam tại Hoa Kỳ*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 2019.
- [9]. *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, 2015.

4.18.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút.

4.19. Thi pháp ca dao/ Poetics of folk

4.19.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thi pháp ca dao, bao gồm: những vấn đề về nghiên cứu thi pháp nói chung và thi pháp ca dao nói riêng ở Việt Nam; hệ thống những thành tố tổ cơ bản của thi pháp ca dao; một số vấn đề cần chú ý trong việc nghiên cứu thi pháp ca dao ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho học viên kỹ năng thuyết trình về các vấn đề khoa học liên quan đến nghiên cứu và giảng dạy thể loại ca dao.

4.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về các thành tố quan trọng trong chỉnh thể thi pháp ca dao cổ truyền: Ngôn ngữ, thể thơ, kết cấu, thời gian nghệ thuật, không gian nghệ thuật, các biểu tượng nghệ thuật trong ca dao đồng thời hiểu và giải mã được một số biểu tượng trong ca dao cổ truyền người Việt. Trên cơ sở đó, học viên có được những kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy thể loại ca dao.

4.19.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực chuyên môn: Học viên nắm bắt tốt những nội dung trọng tâm của môn học.

- Về kỹ năng, phương pháp: Học viên có kỹ năng nghiên cứu thi pháp ca dao, phân tích, đánh giá các tác phẩm ca dao theo đặc trưng thể loại và xử lý các vấn đề trong thực tiễn nghiên cứu về ca dao.

- Về thái độ: Học viên có nhận thức khách quan, khoa học về vai trò vị trí của thể loại ca dao trong hệ thống các thể loại văn học dân gian

4.19.4. Hình thức tổ chức dạy học và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.19.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Nguyễn Xuân Kính, *Thi pháp ca dao*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Tái bản 2006.
- [2]. Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn, *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1997, Tái bản nhiều lần.
- [3]. Vũ Anh Tuấn (chủ biên) - Phạm Thu Yến - Nguyễn Việt Hùng - Phạm Đăng Xuân Hương, *Giáo trình văn học dân gian*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2014.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật (chủ biên), *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1995.
- [2]. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên), Hồ Quốc Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, *Văn học Việt Nam Văn học dân gian - Những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2000.
- [3]. Viện Văn hóa dân gian, *Văn hóa dân gian - những lĩnh vực nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.
- [4]. Viện Văn hóa dân gian, *Văn hóa dân gian - những phương pháp nghiên cứu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
- [5]. Phạm Thu Yến, *Những thế giới nghệ thuật ca dao*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

4.19.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút.

4.20. Tiến trình thơ Nôm Đường luật/ The process of Nom-Duong-luat poetry

4.20.1. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thơ Nôm Đường luật trong hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam: khái niệm, quá trình hình thành, các chặng phát triển; đặc điểm, tính chất, các tác gia, tác phẩm tiêu biểu và vị trí của dòng thơ tiếng Việt trong nền văn học dân tộc.

4.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Khái niệm về TNĐL (quan niệm, khái niệm)
- Cơ sở hình thành TNĐL (Cơ sở lịch sử - xã hội; cơ sở văn hóa - tư tưởng...)
- Đặc trưng của TNĐL (Yếu tố Đường luật; yếu tố Nôm)
- Tiến trình của TNĐL qua các giai đoạn văn học (Giai đoạn trước thế kỷ XV; giai đoạn thế kỷ XV; giai đoạn thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII; giai đoạn thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX; giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX.
- Các tác gia, tác phẩm tiêu biểu: Nguyễn Trãi với *Quốc âm thi tập*; Nguyễn Bình Khiêm với *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*; Thơ Nôm Bà Huyện Thanh Quan; Thơ Nôm Hồ Xuân Hương; Thơ Nôm Tú Xương; Thơ Nôm Nguyễn Khuyến...
- So sánh TNĐL với thơ Đường luật Hán (Về văn tự; về đề tài, chủ đề; về thi liệu; về thể loại...)

4.20.3. Năng lực cần đạt được

Người học có đủ năng lực nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm thơ Nôm Đường luật trong chương trình văn học sử ở bậc Đại học và chương trình Ngữ Văn ở nhà trường THPT dưới góc độ thể loại.

4.20.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.20.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Đào Duy Anh, *Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo, diễn tiến*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.
- [2]. Nguyễn Tài Cẩn, *Một số vấn đề về chữ Nôm*, Nxb Đại học & Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1985.
- [3]. Lã Nhâm Thìn, *Thơ Nôm Đường luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Quang Dũng, *Hồng Đức quốc âm thi tập trong tiến trình thơ Nôm đường luật Việt Nam thời trung đại*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2005.
- [2]. Trần Quang Dũng, “Sự vận động và phát triển của thơ Nôm Đường luật theo xu hướng dân tộc hóa thể loại trong tương quan với Đường luật Hán”, In trong *Việt Nam: Hội nhập và phát triển*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, 2009.
- [3]. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam thế kỷ X - nửa đầu thế kỷ XVIII*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1989.
- [4]. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1990.
- [5]. Lã Nhâm Thìn, *Bình giảng thơ Nôm Đường luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.

4.20.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.21. Thi pháp văn học trung đại Việt Nam/ Poetics of Vietnamese medieval literature

4.21.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết thi pháp, ứng dụng lý thuyết thi pháp vào nghiên cứu và giảng dạy văn học trung đại Việt Nam với những đặc điểm đặc thù trong tương quan với văn học dân gian, văn học hiện đại.

4.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Một số quan niệm về thi pháp, thi pháp học

- Một số thành tựu tiếp cận và nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thi pháp.

- Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học trung đại Việt Nam.

- Quan niệm về không gian, thời gian trong văn học trung đại Việt Nam

- Về kiểu tác giả giả và hệ thống thể loại văn học trung đại Việt Nam.

- Tính chất đặc thù của thi pháp văn học trung đại trong tương quan với văn học dân gian, văn học hiện đại.

4.21.3. Năng lực cần đạt được

Người học có đủ năng lực nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam ở bậc Đại học và chương trình Ngữ văn THPT dưới góc độ thi pháp: quan niệm nghệ thuật về con người; về không gian - thời gian; về cấu trúc tác phẩm văn học; về kiểu tác giả và thể loại văn học...

4.21.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.21.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. M.Bakhtin, *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, bản dịch của Phạm Vĩnh Cư, Trường viết văn Nguyễn Du xuất bản, Hà Nội, 1992.

[2]. Likhachev, *Thi pháp văn học Nga cổ*, Nxb Văn học Leningrat, 1967, bản dịch của Phan Ngọc, Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1970.

[3]. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

* Tài liệu tham khảo

[1]. L. I. Lixêvich, *Tư tưởng văn học Trung Quốc trong buổi giao thời giữa cổ xưa và trung cổ*, Nxb Matxcova, 1979, bản dịch của Trần Đình Sử, tài liệu thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội.

[2]. A.Gurêvich, *Những phạm trù văn hóa trung cổ*, Nxb Nghệ thuật Matxcova 1972, bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến, tài liệu thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội.

[3]. Phương Lưu, *Quan niệm về văn chương cổ Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1985.

[4]. Nhiều tác giả, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.

[5]. Nhiều tác giả, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, Tập 3, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.

4.21.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.22. Văn học yêu nước nửa sau thế kỷ XIX trong lịch sử văn học dân tộc/ Patriotic literature in the second half of the 19th century in the history of national literature

4.22.1. Tóm tắt nội dung môn học

Nghiên cứu văn chương yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX trên những nội dung cơ bản như sau: Cơ sở lịch sử xã hội - tư tưởng văn hoá - văn học; loại hình tác giả; diện mạo tổng quát; bức tranh chung về văn học yêu nước qua các vùng miền; những đặc điểm lớn về nội dung và hình thức của văn học yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX.

4.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Những vấn đề lớn về lịch sử - xã hội, văn hóa- văn học của văn học yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX

- Các tác giả văn học yêu nước tiêu biểu của văn học yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX

- Những đặc điểm lớn về nội dung và hình thức của văn học yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX

4.22.3. Năng lực cần đạt được

- Về kiến thức: Nắm vững các đặc điểm lớn về nội dung và hình thức của văn chương yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX trong lịch sử văn học dân tộc.

- Về kỹ năng: Học viên vận dụng vào việc nghiên cứu học tập học phần văn học yêu nước giai đoạn nửa sau thế kỷ XIX nói riêng và các học phần khác của chuyên ngành văn học Việt Nam trung đại nói chung.

- Về năng lực, thái độ: Học viên có năng lực nghiên cứu độc lập và một tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học

4.22.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.22.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

[1]. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1976.

[2]. *Hợp tuyển thơ văn yêu nước - Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX (từ 1858-1900)*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1976.

[3]. *Thi ca Việt Nam thời Cần Vương từ 1858 đến 1900*, Phan Canh - Đào Đức Chương sưu tầm tuyển chọn, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970.

[4]. *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX từ 1858-1900*, Trần Văn Giàu giới thiệu, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Thế, *Văn học Yêu nước nửa sau thế kỷ XIX trong truyền thống văn học dân tộc*, Luận án tiến sĩ văn học, Trường Đại học KHXH và NV - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008.

[2]. Trần Văn Giàu, *Trong dòng chủ lưu của văn học Việt Nam- tư tưởng yêu nước*, Nxb Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh, 1983.

[3]. Bùi Văn Nguyên, *Chủ nghĩa yêu nước trong văn học thời khởi nghĩa Lam Sơn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.

[4]. Trần Ngọc Vương, *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1999.

[5]. Lê Trí Viễn, *Nguyễn Đình Chiểu ngôi sao càng nhìn càng thấy sáng*, Nxb văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1982.

[6]. Bảo Định Giang, *Thơ văn yêu nước Nam Bộ nửa sau thế kỷ XIX*, Nxb Văn học Hà Nội, 1997.

4.22.6. Hình thức thi hết học phần: Tự luận, 120 phút

4.23. Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 45 năm đầu thế kỷ XX/ The process of modernization of Vietnamese literature in 45 years of the early 20th century

4.23.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần gồm những vấn đề cơ bản, hệ thống, chuyên sâu về quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX, bao gồm: các điều kiện của hiện đại hóa văn học, các

chặng đường của quá trình hiện đại hóa văn học, các đặc điểm và thành tựu nổi bật của văn học thời kỳ này.

4.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Cơ sở của quá trình hiện đại hóa
- Các chặng vận động của quá trình hiện đại hóa
- Đặc điểm cơ bản của văn học thời kỳ hiện đại hóa
- Thành tựu nổi bật của quá trình hiện đại hóa
- “Nhìn lại” một số hiện tượng văn học thời kỳ hiện đại hóa

4.23.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực nhận thức: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản của quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX.

- Năng lực phát hiện và độc lập giải quyết các vấn đề về lịch sử văn học Việt Nam, nhất là văn học giai đoạn đầu thế kỷ XX; năng lực dẫn dắt chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề của văn học Việt Nam hiện đại; bảo vệ được các kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa học của nó.

4.23.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.23.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Phan Cự Đệ - Trần Đình Hượu - Nguyễn Trác - Nguyễn Hoàn Khung - Lê Chí Dũng - Hà Văn Đức, *Văn học Việt Nam (1900-1945)*, Nxb Giáo dục (tái bản), Hà Nội, 1997.
- [2]. Lê Tú Anh, *Tiểu thuyết Việt Nam 1900-1930*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.
- [3]. Mã Giang Lân (chủ biên), *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt Nam hiện đại: khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2018.
- [2]. Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004
- [3]. Bằng Giang, *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865 - 1930*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
- [4]. Dương Quảng Hàm, *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb Trẻ (tái bản), Hà Nội, 2005.
- [5]. Thanh Lãng, *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, Quyển hạ, Trình bày, Sài Gòn, 1967.
- [6]. Thanh Lãng, *Phê-bình văn học thế hệ 1932*, Phong trào văn hóa xb. 1972.
- [7]. Nguyễn Đăng Mạnh, *Giáo trình lịch sử văn học Việt Nam 1930-1945*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2000.
- [8]. Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, Tập 3, Nxb Đồng Tháp (tái bản), 1998.
- [9]. Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, 2 tập, Nxb Văn học (tái bản), Hà Nội, 1998.
- [10]. Thiều Sơn, *Phê bình và cáo luận*, Editions Nam-ky, 1933.

[11]. Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên xb, Hà Nội, 1942.

[12]. Đỗ Lai Thúy, *Phê bình văn học, con vật lưỡng thể ấy*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011.

[13]. Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Giáo trình văn học Việt Nam ba mươi năm đầu thế kỷ XX*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.

4.23.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút.

4.24. **Hiện đại và truyền thống, cách tân và kế thừa của Phong trào thơ mới (1932-1945)/ Modern and traditional, innovation and legacy of movement of new poetry (1932-1945)**

4.24.1. *Tóm tắt nội dung môn học*

Học phần gồm những vấn đề cơ bản và chuyên sâu về Phong trào thơ mới (1932 – 1945) - một hiện tượng văn học độc đáo, bao gồm: cơ sở hình thành và các giai đoạn phát triển, những đổi mới, cách tân trong việc cảm thụ và miêu tả thế giới, những sáng tạo về hình thức nghệ thuật, đặc biệt là việc tiếp thu có chọn lọc và vận dụng hiệu quả những thủ pháp nghệ thuật truyền thống phương Đông lẫn các phương pháp sáng tác hiện đại phương Tây, đóng góp của thơ mới cho nền thơ Việt Nam hiện đại và cho văn học Việt Nam.

4.24.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Cơ sở xuất hiện Phong trào thơ mới
- Các chặng vận động của thơ mới 1932-1945
- Những đổi mới, cách tân về trong quan niệm về thơ và việc cảm thụ, miêu tả thế giới
- Những sáng tạo về hình thức nghệ thuật
- Đóng góp của thơ mới cho nền thơ Việt Nam hiện đại và cho văn học Việt Nam

4.24.3. *Năng lực cần đạt được*

- Năng lực nhận thức: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản của Phong trào thơ mới 1932-1945.
- Năng lực phát hiện và độc lập giải quyết các vấn đề về thơ Việt Nam hiện đại, nhất là Phong trào thơ mới 1932-1945; năng lực dẫn dắt chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề của Phong trào thơ mới (1932-1945) cũng như thơ Việt Nam hiện đại; bảo vệ được các kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa học của nó.

4.24.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.24.5. *Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo:*

* Giáo trình chính

[1]. Phan Cự Đệ - Trần Đình Hượu - Nguyễn Trác - Nguyễn Hoàng Khung - Lê Chí Dũng – Hà Văn Đức, *Văn học Việt Nam (1900-1945)*, Nxb Giáo dục (tái bản), Hà Nội, 1997.

[2]. Thanh Lãng, *Bảng lược đồ văn học Việt Nam*, Quyển hạ, Trình bày, Sài Gòn, 1967.

[3]. Thanh Lãng, *Phê-bình văn học thế hệ 1932*, Phong trào văn hóa xb, 1972.

[4]. Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nguyễn Đức Phiên xb, Hà Nội, 1942. Tái bản nhiều lần.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Mã Giang Lân (chủ biên), *Quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam 1900 - 1945*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.
- [2]. Đỗ Lai Thúy, *Con mắt thơ*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1992, Tái bản nhiều lần.
- [3]. Lê Quang Hưng, *Thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu thời kỳ trước 1945*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2002.
- [4]. Trần Thị Huyền Trang, *Hàn Mặc Tử - hương thơm và mặt đấng*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 1997.
- [5]. Văn Tâm, *Tàn Đà khối mâu thuẫn lớn*, Nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh (tái bản), 2003.

4.24.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.25. Một số vấn đề về lịch sử văn học Việt Nam thế kỷ XX/ Some issues on history of Vietnamese literature in 20th century

4.25.1. Tóm tắt nội dung môn học

Học phần gồm những kiến thức cơ bản của văn học Việt Nam trong thế kỷ XX bao gồm những thay đổi mang tính bước ngoặt của lịch sử; tác động từ đời sống lịch sử - xã hội đến đời sống văn chương; những vấn đề nổi bật của văn học Việt Nam thế kỷ XX như: công cuộc hiện đại hóa văn học đầu thế kỷ; văn học tham gia vào công cuộc bảo vệ tổ quốc, đấu tranh thống nhất nước nhà giai đoạn 1945 - 1975; văn học hội nhập thế giới theo hướng toàn cầu hóa giai đoạn cuối thế kỷ XX.

4.25.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Công cuộc hiện đại hóa văn học đầu thế kỷ XX
- Văn học tham gia vào công cuộc bảo vệ tổ quốc, đấu tranh thống nhất nước nhà giai đoạn 1945 - 1975
- Văn học hội nhập thế giới theo hướng toàn cầu hóa giai đoạn cuối thế kỷ XX

4.25.3. Năng lực cần đạt được

- Năng lực nhận thức: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản của Phong văn học Việt Nam trong thế kỷ XX.
- Năng lực phát hiện và độc lập giải quyết các vấn đề của văn học Việt Nam thế kỷ XX; năng lực dẫn dắt chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề của văn học Việt Nam thế kỷ XX; bảo vệ được các kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa học của nó.

4.25.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

Kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành, thảo luận và tự học, tự nghiên cứu của học viên.

4.25.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Bài giảng của giảng viên
- [2]. Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [3]. Nhiều tác giả, *Nhìn lại văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

* Tài liệu tham khảo

- [1]. Lê Tú Anh, *Tiểu thuyết Việt Nam 1900 - 1930*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.

- [2]. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt nam hiện đại - khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.
- [3]. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), *Lịch sử Văn học Việt Nam*, tập 1,2,3, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội, 1987.
- [4]. Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [5]. Nguyễn Văn Long, *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.
- [6]. Nhiều tác giả, *Một thời đại văn học mới*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1987.
- [7]. Nhiều tác giả, *Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học*, 3 tập, Nxb Tác phẩm mới, 1987- 1989.
- [8]. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam kháng chiến chống Pháp*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
- [9]. Nhiều tác giả, *50 năm văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 1996.
- [10]. Hòa Diệu Thúy, *Truyện ngắn hiện đại Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007.
- [11]. Bùi Việt Thắng, *Bàn về tiểu thuyết*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.

4.25.6. *Hình thức thi hết học phần*: Tự luận, 120 phút

4.26. Phong cách nghệ thuật của một số tác giả tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại / Art style of some typical writers in the modern Vietnamese literature

4.26.1. Tóm tắt nội dung môn học

Chuyên đề cung cấp những kiến thức lý luận chung về phong cách nghệ thuật, khái quát những nét phong cách tiêu biểu của một số tác giả tiêu biểu trong nền văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại.

4.26.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được

- Nắm vững khái niệm phong cách, phong cách nghệ thuật, những yếu tố góp phần tạo phong cách của một tác giả

- Hiểu sâu về phong cách của một số tác giả tiêu biểu trong văn học Việt Nam hiện đại như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Thạch Lam, Kim Lân, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp...

4.26.3. *Năng lực cần đạt được*: Học viên có đủ năng lực để giải mã và phân tích phong cách của một số nhà văn tiêu biểu trong nền văn học Việt Nam hiện đại; vận dụng những kiến thức đó để hiểu sâu hơn về tác phẩm, có khả năng phân tích tác phẩm từ việc nhận diện phong cách và ngược lại, từ phong cách có cái nhìn soi chiếu vào tác phẩm.

4.26.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*: Giảng lý thuyết trên lớp; Gợi mở những vấn đề rộng hơn phạm vi bài giảng yêu cầu học viên tự nghiên cứu, viết bài luận thu hoạch về kết quả nghiên cứu; tổ chức thảo luận những nội dung khó.

4.26.5. Giáo trình và tài liệu tham khảo

* Giáo trình chính

- [1]. Nguyễn Đăng Mạnh, *Nhà văn, tư tưởng và phong cách*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1983.
- [2]. Đỗ Đức Hiểu, *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2000.
- [3]. Trần Đăng Suyễn, *Nhà văn, hiện thực đời sống và cá tính sáng tạo*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2010.

[4]. Khrapchencô, *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển của văn học*, Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987.

* Tài liệu tham khảo

[1]. Nhiều tác giả, *Chế Lan Viên, về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.

[2]. Nhiều tác giả, *Nam Cao, về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.

[3]. Nhiều tác giả, *Tố Hữu, về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.

[4]. Tôn Phương Lan, *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

[5]. Nhiều tác giả, *Nguyễn Minh Châu, về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.

[6]. Nhiều tác giả, *Nguyễn Khải, về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.

[7]. Nhiều tác giả, *Nguyễn Tuân, về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.

4.26.6. *Hình thức thi hết học phần*: Thi viết, 120 phút

4.27. **Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại/**

The process of modern Vietnamese literature from a genre perspective

4.27.1. *Tóm tắt nội dung môn học*

Môn học gồm những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về thể loại văn học và sự hình thành, vận động của các thể loại văn học hiện đại trong nền văn học Việt Nam: Sự xuất hiện của hệ thống thể loại mang tính hiện đại và toàn cầu thay thế hệ thống thể loại mang tính cổ điển và khu vực trong công cuộc hiện đại hóa văn học cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự vận động/biến đổi của một số thể loại văn học tiêu biểu từ 1945 đến nay, nhất là từ sau 1986.

4.27.2. *Kiến thức cốt lõi cần đạt được*

- Đặc trưng thể loại của các thể loại văn học hiện đại
- Sự hình thành các thể loại văn học hiện đại trong nền văn học Việt Nam
- Sự vận động/biến đổi của một số thể loại văn học tiêu biểu từ 1945 đến nay, nhất là từ sau 1986

4.27.3. *Năng lực cần đạt được*

- Năng lực nhận thức: Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản về thể loại và thể loại trong văn học hiện đại Việt Nam.

- Năng lực phát hiện và độc lập giải quyết các vấn đề về thể loại và thể loại trong văn học hiện đại Việt Nam; năng lực dẫn dắt chuyên môn để thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề về thể loại và thể loại trong văn học hiện đại Việt Nam; bảo vệ được các kết luận chuyên môn của mình và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa học của nó.

4.27.4. *Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học*

- + Lý thuyết, bài tập: 18 tiết
- + Kiểm tra thường xuyên: 02 tiết
- + Thực hành: 24 tiết
- + Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận):
- + Thảo luận: 12 tiết
- + Tự học: 90 tiết

4.27.5. *Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo*: –

* Giáo trình chính: Bài giảng của giảng viên

* Học liệu tham khảo

- [1]. Lê Tú Anh, *Văn xuôi Việt nam hiện đại - khảo cứu và suy ngẫm*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.
- [2]. Lê Tú Anh, *Đề tài tha hương trong văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2019.
- [3]. Đinh Trí Dũng - Bùi Việt Thắng, *Giáo trình truyện ngắn Việt Nam hiện đại*, Nxb Đại học Vinh, 2018.
- [4]. Nguyễn Đăng Điệp, *Giọng điệu trong thơ trữ tình*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2002.
- [5]. Phan Cự Đệ (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2004.
- [6]. Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb Văn học, tái bản nhiều lần.
- [7]. Nguyễn Đăng Mạnh (chủ biên), *Lịch sử Văn học Việt Nam*, tập 2,3, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 1987.
- [8]. Nguyễn Văn Long, *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [9]. Nguyễn Văn Long, *Tiếp cận và đánh giá văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.
- [10]. Nhiều tác giả, *Nhìn lại văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- [11]. Hòa Diệu Thúy, *Truyện ngắn hiện đại Việt Nam 1945 - 1975*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2007.
- [12]. Bùi Việt Thắng, *Bàn về tiểu thuyết*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000.
- [13]. Nhiều tác giả, *Một thời đại văn học mới*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1987.
- [14]. Nhiều tác giả, *Cách mạng, kháng chiến và đời sống văn học*, (3 tập), Nxb Tác phẩm mới, 1987-1989.
- [15]. Nhiều tác giả, *50 năm văn học Việt Nam sau cách mạng tháng Tám*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 1996.

4.27.6. Hình thức thi hết học phần

- Trọng số 50%.

- Hình thức kiểm tra: thi viết

- Thời gian: 120 phút

4.28. Luận văn tốt nghiệp/ Graduate thesis

a) Luận văn là một báo cáo khoa học, vừa có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; vừa giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

d) Luận văn được trình bày theo Quy định thủ tục đăng ký làm luận văn, bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành theo Quyết định số 512-QĐ/ĐHHD ngày 17/4/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

5. Quy định về đánh giá học phần (Theo khoản 2,3,4,5,6, điều 25 trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng)

1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai các quy định về đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu và đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần;

d) Kết hợp hình thức kiểm tra thường xuyên, với đánh giá ý thức chuyên cần học tập, tính độc lập, sáng tạo của người học và thi kết thúc học phần vào đánh giá kết quả học phần.

2. Quy trình đánh giá học phần:

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng của điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

a) Giảng viên giảng dạy học phần tổ chức kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên. Sau khi kết thúc học phần, các khoa, bộ môn phụ trách chuyên ngành xét điều kiện dự thi các học phần và nộp kết quả xét điều kiện dự thi về Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, đồng thời lưu điều kiện dự thi tại khoa, bộ môn phụ trách.

Đề thi kết thúc học phần do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Đề thi và đáp án có chữ ký của giảng viên ra đề thi và Trưởng bộ môn, ký niêm phong và nộp về phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí.

b) Việc tổ chức chấm thi, lên điểm, quản lý bài thi được thực hiện theo Quy định chung của Nhà trường.

Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần. Tham gia:

- + 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;
- + 96-99% số tiết của học phần đạt điểm 9,0;
- + 92-95% số tiết của học phần đạt điểm 8,0;
- + 88-91% số tiết của học phần đạt điểm 7,0;
- + 84-87% số tiết của học phần đạt điểm 6,0;
- + 80-83% số tiết của học phần đạt điểm 5,0;

c) Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau: $\text{ĐHP} = 0,3\text{KT} + 0,2\text{CC} + 0,5\text{ĐT}$.

d) Các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm đánh giá học phần được ghi vào bảng điểm của học phần theo mẫu thống nhất do Nhà trường quy định, có chữ ký của các giảng viên chấm thi và giảng viên giảng dạy.

đ) Điểm học phần từng môn của mỗi học viên phải được ghi và lưu trong sổ điểm chung của khoá đào tạo.

e) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học có trách nhiệm bảo quản các bài thi, lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là 05 năm kể từ khi kết thúc khoá đào tạo.

3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần

Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

b) Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi học thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác;

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng buổi kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

Không tổ chức kiểm tra, thi ngoài các kì kiểm tra và thi nêu trong lịch trình giảng dạy và đã được công bố từ đầu khoá học.

4. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khóa sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

5. Các khiếu nại về điểm chấm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 30 ngày sau ngày công bố kết quả.

6. Xử lí vi phạm trong quá trình đánh giá học phần: Học viên sao chép bài tập, tiểu luận của người khác, sử dụng trái phép tài liệu sẽ bị đình chỉ thi và bị điểm không (0) cho học phần hoặc bài tập hoặc tiểu luận đó.

6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu

- Phòng học có trang bị máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...
- Phòng bảo vệ luận văn có đầy đủ trang thiết bị (máy chiếu, micro có dây/không dây, wifi...), lịch sự, hiện đại.
- Thư viện: Cơ bản có đủ các Giáo trình và Tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các môn học.

7. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam được xây dựng trên cơ sở Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng. Chương trình là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo. Hiệu trưởng quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

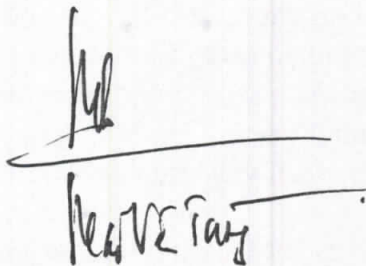
Phòng Quản lý đào tạo sau đại học, khoa Khoa học xã hội, bộ môn Văn học Việt Nam và bộ phận được phân công phụ trách có trách nhiệm xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo đảm bảo chất lượng, đúng quy định của nhà trường và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ vào chương trình, Trường các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần, hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

Trường khoa chuyên môn phê duyệt đề cương chi tiết học phần; xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo. Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hằng năm nếu khoa/bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, đơn vị làm văn bản trình hội đồng Khoa học & Đào tạo trường xem xét, nếu hợp lý, hội đồng Khoa học & Đào tạo trường trình Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng./.

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Văn Tân



Hoàng Nam